

Bản án số: 504/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Kim Sa,

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền

2. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Tr – sinh năm 1993. (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường C, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Anh H – sinh năm 1993. (vắng mặt)

HKTT: đường T, Phường B, thành phố T, tỉnh TV.

Địa chỉ tạm trú: đường B, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr là nguyên đơn trình bày:

Chị Tr và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 29/3/2019 do Ủy ban nhân dân Phường B Quận S cấp, không có con chung.

Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại nhà đường C cùng với bà nội và cô của chị Tr. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2-3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về cách sinh hoạt hằng ngày, anh H không lo dành dụm tiền để lo cho cuộc sống dẫn đến việc cả hai gây cãi to tiếng, những khi gây cãi anh H thường xuyên la lối đập phá nhà

cửa. Chị Tr và gia đình cố gắng khuyên nhủ và hòa giải nhưng anh H không thay đổi, lại còn dùng lời lẽ xúc phạm chị Tr và gia đình chị Tr. Đến ngày 13/8/2020 cả hai ly thân, đến tháng 01/2021 anh H năn nỉ hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên chị Tr quay lại chung sống với anh H. Sau đó chị Tr biết anh H nghiện trò chơi điện tử, chị Tr khuyên nhủ nhưng anh H vẫn tiếp tục chơi không quan tâm đến chị Tr khi chị mang thai, tháng 5/2021 chị Tr bị sảy thai do buồn anh H, và ly thân với anh H cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H thường tìm kiếm chị Tr đòi gặp mặt, nhưng chị Tr không đồng ý, nên anh H la lối tại nơi làm việc của chị Tr làm ảnh hưởng đến công việc của chị. Nay chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Tr xác định không có con chung với anh H.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định không có tài sản chung với anh H.

Về nợ chung: Chị Tr xác định không có nợ chung với anh H.

- Anh H không có lời khai, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr ly hôn ông H; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng, bà Tr phải chịu được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:*

Ngày 24/11/2021, chị Tr nộp đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, xin ly hôn đối với anh H, hiện đang cư trú tại đường B, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt/nhiệm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập anh H đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng anh H đã không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để: làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét chị Tr là nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh H là bị

đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh H.

*[2]. Về yêu cầu của đương sự:*

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tổng đạt hợp lệ cho anh H thông báo thụ lý số 556/TB-TLVA ngày 07/12/2021 về việc thụ lý vụ án “Ly hôn” theo đơn khởi kiện của chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H. Phía anh H không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh H đã “không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu...” mà chị Tr đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do chị Tr đưa ra có giá trị chứng minh.

**- Xét quan hệ hôn nhân:**

Chị Tr và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 29/3/2019 do Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận 6 cấp. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh H là hợp pháp.

Xét: Khi chị Tr có đơn xin ly hôn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa để ghi nhận ý kiến và tham gia phiên hòa giải, để anh H có thể trình bày ý kiến nhằm giải tỏa vướng mắc của vợ chồng, xây dựng lại gia đình hạnh phúc, nhưng anh H không đến Tòa. Tòa án nhân dân Quận 6 cũng không lấy lời khai của anh H được. Điều này chứng tỏ, anh H đã không để tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, thiếu trách nhiệm với gia đình và không tôn trọng pháp luật.

Theo chị Tr trình bày: Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2-3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về cách sinh hoạt hằng ngày, anh H không lo dành dụm tiền để lo cho cuộc sống dẫn đến việc cả hai gây cãi to tiếng, những khi gây cãi anh H thường xuyên la lối đập phá nhà cửa. Chị Tr và gia đình cố gắng khuyên nhủ và hòa giải nhưng anh H không thay đổi, lại còn dùng lời lẽ xúc phạm chị Tr và gia đình chị Tr. Đến ngày 13/8/2020 cả hai ly thân, đến tháng 01/2021 anh H năn nỉ hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên chị Tr quay lại chung sống với anh H. Sau đó chị Tr biết anh H nghiện trò chơi điện tử, chị Tr khuyên nhủ nhưng anh H vẫn tiếp tục chơi không quan tâm đến chị Tr khi chị mang thai, tháng 5/2021 chị Tr bị sảy thai do buồn anh H, và ly thân với anh H cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H thường tìm kiếm chị Tr đòi gặp mặt, nhưng chị Tr không đồng ý, nên anh H la lối tại nơi làm việc của chị Tr làm ảnh hưởng đến công việc của chị. Nay chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Như vậy, tình nghĩa vợ chồng của chị Tr và anh H không còn như Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã nêu: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”.

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của chị Tr và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Tr có cơ sở kết luận việc chị Tr xin ly hôn anh H là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

- Về con chung: Chị Tr khai không có con chung với anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Tr khai không có tài sản chung với anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Tr khai không có nợ chung với anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Tr chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2021/0011654, ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị Tr khai không có con chung với anh H.

- Về tài sản chung: Chị Tr khai không có tài sản chung với anh H.

- Về nợ chung: Chị Tr khai không có nợ chung với anh H.

**2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Tr chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2021/0011654, ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Chị Tr và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 7, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Kim Sa**